

Bản án số: 77/2023/DS-PT

Ngày: 30 - 3 - 2023

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng
đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Khưu Đức Dành;

Ông Ngô Ngọc Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐ-PT ngày 02/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 28, ấp A H, xã K A, huyện A P, tỉnh A G;

1.2 Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 28, ấp A H, xã K A, huyện A P, tỉnh A G;

1.3 Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1951; nơi cư trú: Tổ 09, ấp T P, xã P L, huyện P T, tỉnh A G.

Đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ 28, ấp A H, xã K A, huyện A P, tỉnh A G (theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019 và ngày 23/5/2019).

Người bảo vệ quyền, lợi ích cho bà X: Luật sư Lôi Văn Đ – Văn phòng luật sư Hùng Đ, thuộc Đoàn luật sư An Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 28, ấp A H, xã K A, huyện A P, tỉnh A G;

2.2 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951 (chết ngày 02/4/2020).

Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị T, gồm:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 28, ấp A H, xã K A, huyện A P, tỉnh A G (xin vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp B B T, xã Q T, huyện A P, tỉnh A G;

Đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn L (là bị đơn trong vụ án) theo văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020 (xin vắng mặt).

Em Nguyễn Thị Kim Nhung, sinh năm 2006; nơi cư trú: Tổ 28, ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

Em Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 2007; nơi cư trú: Tổ 28, ấp A H, xã K A, huyện A P, tỉnh A G.

Đại diện theo pháp luật của em N, em S: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 28, ấp A H, xã K A, huyện A P, tỉnh A G (xin vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 49/4A, tổ 5, k M P, p M Q, t p L X, tỉnh A G (theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Đơn khởi kiện và bản tự khai cùng với các tài liệu kèm theo của nguyên đơn, bà X đại diện ủy quyền, trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Ngọc T (ông T là ba ruột của ông T, bà X, bà Q). Vào năm 1979, ông Nguyễn Văn L (là cháu của ông T, gọi ông T bằng bác) có mượn phần đất của ông T diện tích ngang khoảng 16m dài khoảng 55m để làm rẫy. Đến năm 1985, ông L chửi mắng ông T và cho rằng phần đất này là của ba ông L, khi đó, ông T có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã K A để đòi lại đất. Ngày 28/6/1985, ông L đồng ý trả toàn bộ diện tích đất cho ông T, ông L có nhờ ông Võ Văn N và ông Võ Văn T hỏi ông T xin cho ông L ở một nền nhà và được ông T đồng ý. Ông L có viết tờ cam kết vào ngày 29/6/1985 tại Ủy ban nhân dân xã K A. Nội dung tờ cam kết là “Từ nay trở đi không còn thái độ và hành động chửi rủa ông bác tôi và gia đình nữa, nếu còn tái phạm thì tôi không được ở trên mảnh đất này”. Tuy nhiên, từ năm 1996 đến năm 1998, ông L đã vi phạm tờ cam kết, chửi mắng và hành hung gia đình của nguyên đơn, phía nguyên đơn trình báo địa phương thì ông L bỏ xuống ghe sinh sống. Đến năm 1998 thì ông T chết.

Sau đó, gia đình nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Khánh An và Ủy ban nhân dân huyện An Phú xử lý không cho vợ chồng ông L, bà T ở trên phần đất của gia đình, nhưng khi cơ quan chức năng mời làm việc thì ông L không đến. Nay đồng nguyên đơn yêu cầu ông L, bà T và các con của ông L di dời nhà trả lại phần đất ngang 04m dài 10m và phần đất bãi bồi ngang 16m dài xuống mé sông khoảng 60m

(do bồi thêm). Phần đất tranh chấp thì gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với bản vẽ hiện trạng ngày 24/7/2019 và bản vẽ hiện trạng 24/12/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh huyện An Phú thì phía nguyên đơn không có ý kiến.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L (đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc T) trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông L xác định phần đất tranh chấp là của gia đình ông đã ở ổn định từ năm 1985 đến nay, có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế Nhà nước từ năm 1996 đến năm 1998, có giấy báo tiền điện, tiền nước và sổ hộ khẩu nên ông có quyền sử dụng hợp pháp. Đối với phần đất bồi, ông có nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn O, được ông O thừa nhận. Ông L yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp bản chính tờ cam kết do ông L viết ngày 29/6/1985. Đối với bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 24/12/2022 thì ông L không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 217, Điều 244; Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả lại đất cho các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q tại các điểm 8, 9, 10, 28 theo bản vẽ hiện trạng ngày ngày 24/7/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh An Phú.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L trả lại phần đất bồi bồi ngang 16m dài xuống mé sông khoảng 60m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 26/9/2022 bà Nguyễn Thị X (đại diện ủy quyền của nguyên đơn) kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm; buộc ông Nguyễn Văn L cùng các thừa kế của bà T là Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim S trả đất thổ cư, tháo dỡ di dời nhà và vật kiến trúc tại các điểm 8, 9, 10, 28 có diện tích 38,3m² theo bản đo đạc hiện trạng ngày 24/7/2019; ông L phải trả cho nguyên đơn diện tích đất tại bờ sông ngang 16m, dài 60m;

Ngày 27/9/2022 ông Nguyễn Văn L kháng cáo, yêu cầu: Diện tích đất tại các điểm 8, 9, 10, 28 theo bản vẽ hiện trạng ngày 24/7/2019, không phải đất của ông Nguyễn Ngọc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L trả lại đất cho đồng nguyên đơn có 4 điểm 8, 9, 10, 28 nhưng không nói rõ diện tích là bao nhiêu; không buộc bị đơn di dời nhà trả lại đất, vì nhà nằm trên diện tích đất buộc trả và cũng không buộc các con ông L là thiếu sót; yêu cầu xem xét lại phần đất bãi bồi để giải quyết cho nguyên đơn. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót; nhưng yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo giải quyết cho nguyên đơn.

Đại diện bị đơn cho rằng theo bản Trích lục địa bộ ngày 13/12/1996 của Sở địa chính An Giang và Sơ đồ đất của Sở địa chính ngày 13/12/1996 ông L cung cấp cho Tòa án thì ông L chỉ cho ông biết là diện tích đất tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu trả là nằm trong địa bộ nói trên, chứ không phải là đất của ông Nguyễn Ngọc T cha các nguyên đơn; ngoài ra Tờ cam kết ngày 29/6/1985 chỉ là bản photo không có bản chính; riêng đất bãi bồi là chuyển nhượng của ông O. Vì vậy, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng, kháng cáo ông L, bà X là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Do, cấp sơ thẩm chỉ buộc giao trả diện tích đất trong phạm vi căn nhà mà không buộc trả toàn bộ diện tích bị đơn sử dụng; Buộc ông L trả lại đất mà không có diện tích và không buộc các con ông L cùng trả là thiếu sót; hơn nữa tranh chấp đất bãi bồi bị đơn cho rằng bị đơn chuyển nhượng của ông O, ông O cũng thừa nhận có chuyển nhượng đất cho ông L; nhưng không đưa ông O vào tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị X (đại diện ủy quyền của nguyên đơn) kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên toà, bị đơn ông L có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị X (đại diện ủy quyền của nguyên đơn), Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Ngọc T, vào năm 1979, ông Nguyễn Văn L là cháu của ông T có mượn ông T diện tích ngang khoảng 16m dài khoảng 55m để làm rẫy. Đến năm 1985, ông L chối mắng ông T và cho rằng phần đất này là của ba ông L; ông T có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Khánh An để đòi lại đất. Ngày 28/6/1985, ông L đồng ý trả toàn bộ diện tích đất cho ông T và có viết tờ cam kết vào ngày 29/6/1985 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An cam kết là “Từ nay trở đi không còn thái độ và hành động chối rửa ông bác tôi và gia đình nữa, nếu còn tái phạm thì tôi không được ở trên mảnh đất này”. Tuy nhiên, từ năm 1996 đến năm 1998, ông L đã vi phạm tờ cam kết, chối mắng và hành hung gia đình của nguyên đơn.

Sau đó, gia đình nguyên đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Khánh An và Ủy ban nhân dân huyện An Phú xử lý không cho vợ chồng ông L, bà T ở trên phần đất của gia đình nguyên đơn nhưng khi cơ quan chức năng mời làm việc thì ông L không đến. Nay, đồng nguyên đơn yêu cầu ông L, bà T và các con của ông L di dời nhà trả lại phần đất ngang 04m dài 10m và phần đất bãi bồi ngang 16m dài xuống mé sông khoảng 60m (do bồi thêm). Phần đất tranh chấp thì gia đình bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.1] Ông Nguyễn Ngọc T (đại diện bị đơn), trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình bị đơn, đã ở ổn định từ năm 1985 đến nay, có đóng thuế Nhà nước từ năm 1996 đến năm 1998 và có sổ hộ khẩu nên ông có quyền sử dụng hợp pháp. Đối với phần đất bãi bồi thì ông có nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn O, được ông O thừa nhận nên ông có quyền sử dụng.

[2.2] Cấp sơ thẩm nhận định, theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2019, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại phần đất ngang 04m, dài 10m và tại biên bản thẩm định ngày 19/6/2019 và biên bản thẩm định ngày 12/9/2022 thể hiện trên phần đất nguyên đơn yêu cầu trả có căn nhà của ông Nguyễn Văn L, kích thước ngang 04m, dài 10m; vào năm 2020 ông L có cất thêm mái che gắn liền với nhà ông L, kích thước ngang 3,6m, dài 6,7m; theo bản vẽ hiện trạng ngày 24/7/2019 phần đất có diện tích 257m² tại các điểm 7, 12, 26, 25, 24, 21; trong đó có căn nhà của bị đơn tại các điểm 8, 9, 10, 28, nhưng diện tích đo đạc theo chỉ dẫn của nguyên đơn lại lớn hơn so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngang 04m, dài 10m, nên diện tích đất còn lại cấp sơ thẩm không xem xét.

[2.3] Cấp sơ thẩm còn nhận định trên phần đất nói trên có căn nhà của bị đơn, nguyên đơn có trình bày bổ sung yêu cầu bị đơn di dời nhà trả lại đất nói trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, nhưng phần quyết định chỉ buộc ông Nguyễn Văn L trả lại cho các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q

tại các điểm 8, 9, 10, 28 theo bản vẽ hiện trạng ngày 24/7/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh An Phú là thiếu và chưa rõ ràng; trả diện tích đất hay diện tích nhà vì các điểm này vừa là đất ở vừa là nhà ở. Tại Đơn khởi kiện, đồng nguyên đơn trình bày ông L và vợ là bà T cất nhà ở trên diện tích đất của các nguyên đơn ngang khoảng 4m, dài khoảng 10m (bl 11, 12); tại biên bản hòa giải ngày 06/9/2019 và ngày 11/9/2019 bà X đại diện các nguyên đơn trình bày yêu cầu buộc ông L, bà T di dời nhà trả lại đất...(bl 139-137); tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bà X có ý kiến yêu cầu bị đơn trả lại nhà đất, di dời nhà ra khỏi đất nguyên đơn (bl 84); tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2020 bà X yêu cầu ông L di dời nhà trả lại đất trên cho nguyên đơn (bl 148); tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2021 bà X yêu cầu ông L và các con ông L di dời nhà trả lại đất cho nguyên đơn ngang 4m, dài 10m (bl 161).

[2.5] Xét thấy, đại diện nguyên đơn yêu cầu nội dung cụ thể, nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc ông L trả lại các điểm 8, 9, 10, 28 mà không rõ diện tích cụ thể bao nhiêu là không khả thi và trong bản vẽ cũng không thể hiện diện tích đất ở nhờ và diện tích nhà là bao nhiêu mét vuông; không buộc các con ông L cùng có nghĩa vụ trả lại đất ở nhờ là thiếu sót và trong diện tích đất tranh chấp có căn nhà của bị đơn, nhưng không buộc bị đơn di dời nhà là chưa giải quyết triệt để vụ án. Các tình tiết nêu trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Đối với ông L kháng cáo cho rằng diện tích đất Tòa sơ thẩm buộc ông trả nguyên đơn không phải đất ông T, cha các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận vì ông không có chứng cứ chứng minh.

[3] Đối với diện tích đất bãi bồi nguyên đơn yêu cầu trả ngang 16m dài xuống mé sông khoảng 60m, phần đất này bị đơn cho rằng chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn O, ông O xác định diện tích đất tranh chấp do ông chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T (cha các nguyên đơn), sau đó ông chuyển nhượng lại cho ông L; nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông O vào tham gia tố tụng để làm rõ là thiếu sót.

[4] Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về một số biên bản đối chất, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai thẩm phán không ký tên, đóng dấu là chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (bl: 135, 136, 137, 138, 142, 147, 149, 151, 153, 158).

Căn cứ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận một phần kháng cáo của đồng nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn hủy bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết lại sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án giải quyết.

Án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006549 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1, khoản 2 Điều 310; khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của đồng nguyên đơn ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn L.

- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án giải quyết.

Án phí phúc thẩm: Hoàn lại cho bà X 300.000 đồng đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006549 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THA-DS An Phú;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Dương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải

